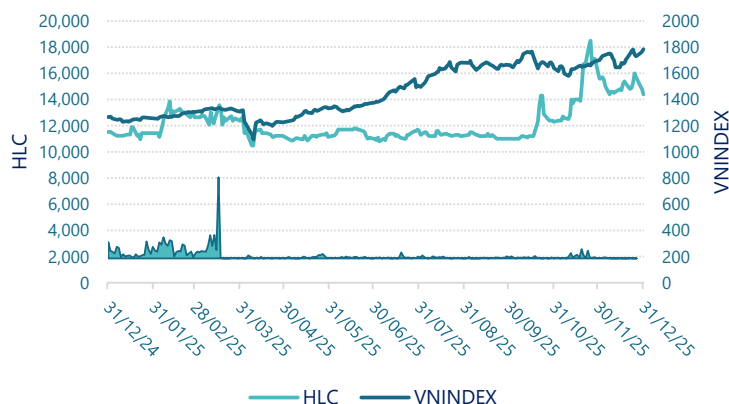


CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin (HNX: HLC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,489
SL cổ phiếu LH	25,415,199
KLGD BQ 20 phiên (CP)	47,330
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	366
P/E	4.5
EPS	3,225

DT thuần

Q4/25

464

tỷ VNĐ

QoQ: ▼265 | -36.3%

YoY: ▼479 | -50.8%

LN sau thuế

Q4/25

-29.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼102 | -140%

YoY: ▼55.7 | -212%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.5%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2025

2,878

tỷ VNĐ

YoY: ▼121 | -4.0%

LN sau thuế

2025

82.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.70 | -6.6%

ROE

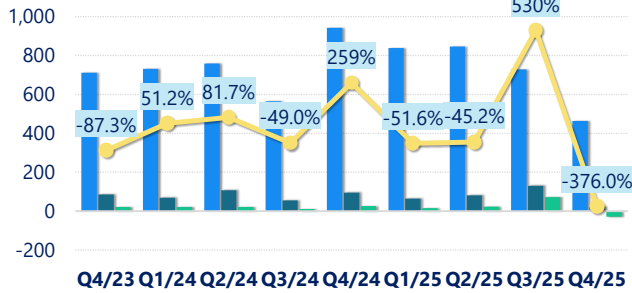
2025

19.1%

+/- YoY: ▼ 1.6%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

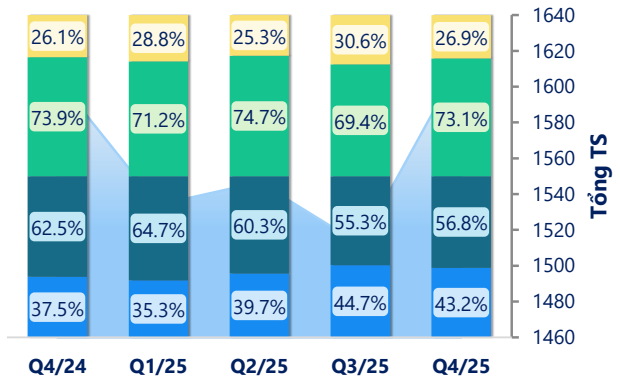


Doanh thu thuần
 Lợi nhuận gộp
 Lợi nhuận sau thuế
 Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

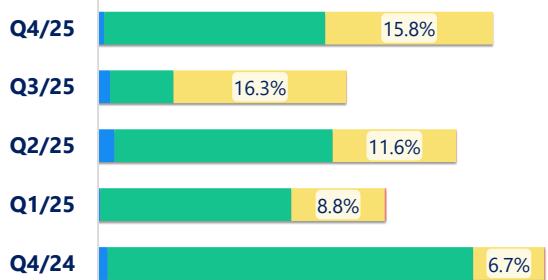
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
 Tài sản ngắn hạn
 Tài sản dài hạn
 Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

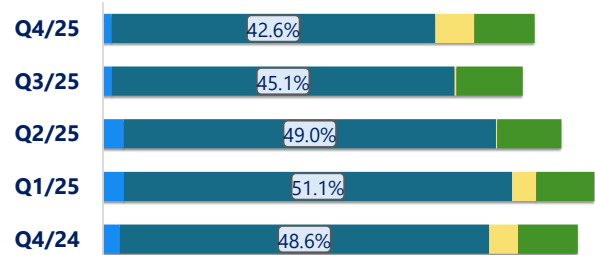
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
 Phải thu ngắn hạn
 Hàng tồn kho
 TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

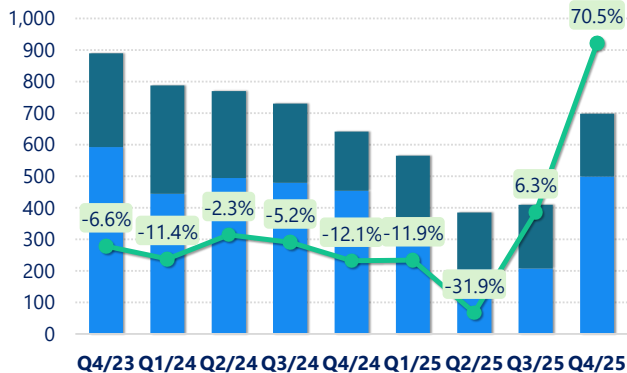


Phải thu dài hạn
 Tài sản cố định
 Bất động sản đầu tư
 Tài sản dài hạn khác

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

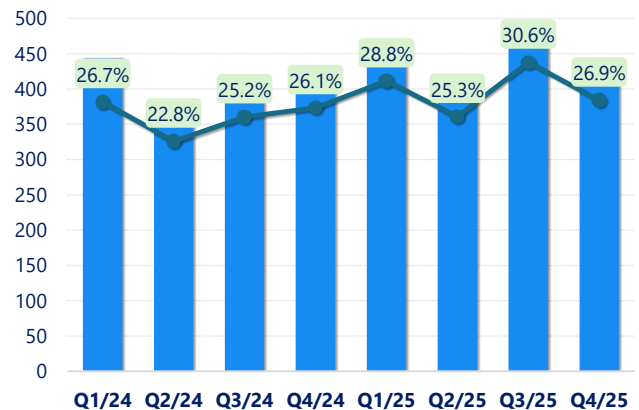


Vay và nợ thuê ngắn hạn
 Vay và nợ thuê dài hạn
 Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

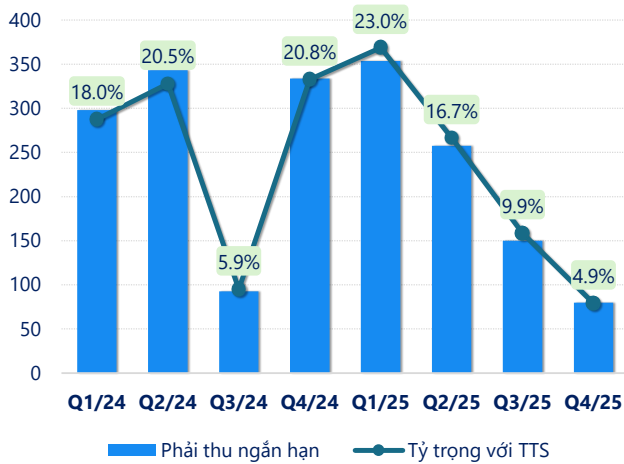
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
 Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


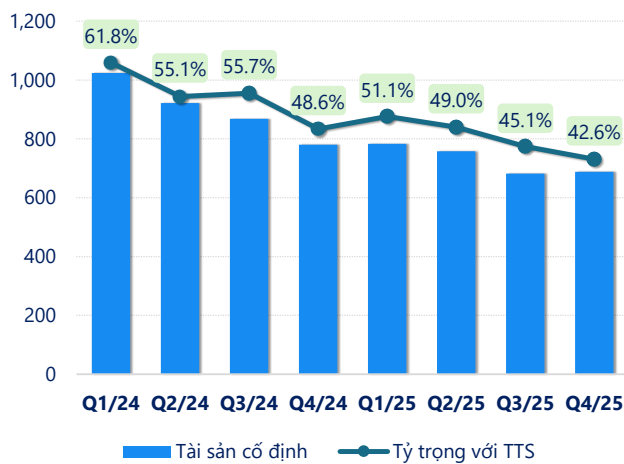
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

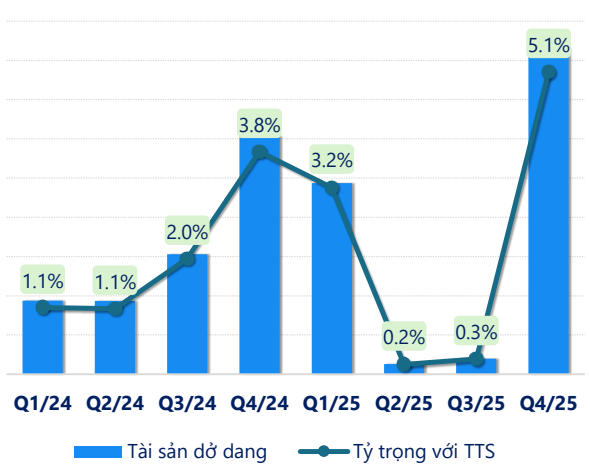

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

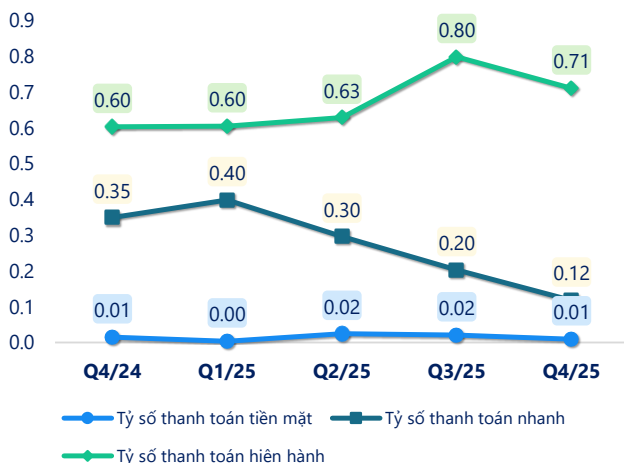
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

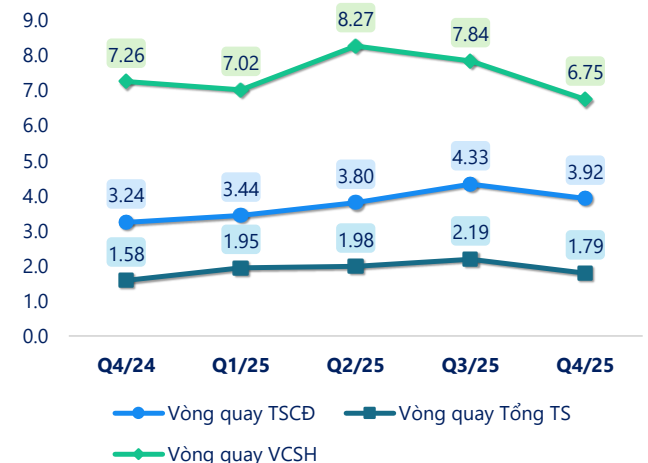
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,604	1,534	1,547	1,512	1,614
Tài sản ngắn hạn	602	541	613	677	697
Tiền và tương đương tiền	14.8	3.03	24.0	17.3	9.14
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	334	353	258	150	79.8
Hàng tồn kho	253	185	324	505	582
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	7.36	4.47	26.5
Tài sản dài hạn	1,003	993	933	835	917
Phải thu dài hạn	35.5	42.3	42.3	17.4	18.0
Tài sản cố định	780	784	758	682	688
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	60.7	48.7	2.58	3.93	83.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	126	118	131	132	128
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,185	1,092	1,156	1,049	1,180
Nợ ngắn hạn	998	895	976	848	981
Vay và nợ thuê ngắn hạn	454	367	205	208	499
Phải trả người bán ngắn hạn	274	240	203	156	214
Nợ dài hạn	187	197	180	201	199
Vay và nợ thuê dài hạn	187	197	180	201	199
Nguồn vốn chủ sở hữu	419	442	391	463	434
Vốn chủ sở hữu	419	442	391	463	434
Vốn điều lệ	254	254	254	254	254
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)